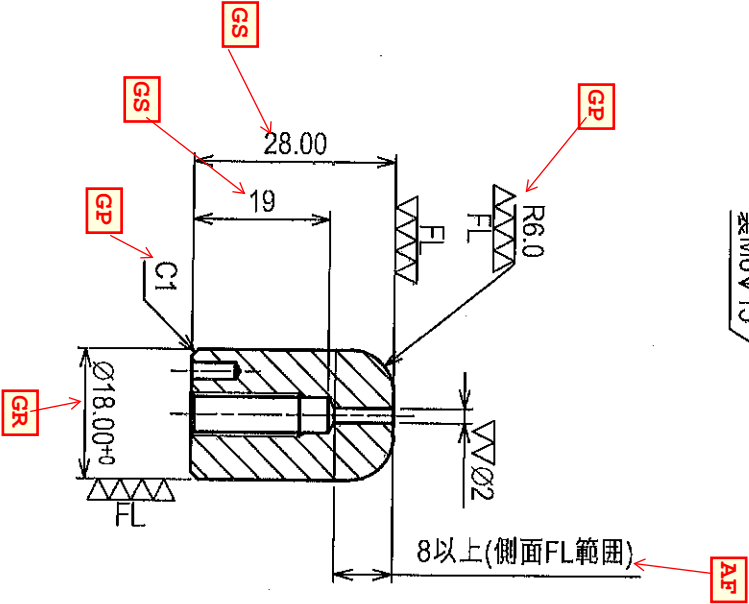
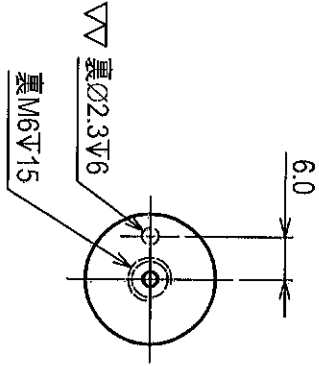


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2021/03/01	新規作図		Tobata_Hidetoshi	Tobata_Hidetoshi	Indei_Kazuhiro	0.0000 ±0.002 0.000 +0 +0 0.000 ±0.005 0.000 -0 +0.005 0.00 ±0.01 0.00 +0 +0 0.0 ±0.1 0.00 -0 -0.01 0. ±0.2 0.0 +0 -0.1
△							
△							
△							

出図
製作・検収用図面
検収完了後要廃棄
2023-04-13
VDM 生産支援課

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS
G VVV (VV VVV)



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL	TITLE	PARTS NAME
Indei_Kazuhiro	WC(D30/HIP)	部品図 PART DRAWING	絞りパンチ DRAWING PUNCH
DSGND.	SURFACE	SCALE	
Tobata_Hidetoshi		1:1	抽制冲子 抽製冲子
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DWG.No.
Tobata_Hidetoshi	HRC ~	A4V	
		DATE	
		2021/03/01	
			R408524

SNO: **R408524**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R408524	GR:90 GS:60 GP:60 AF:20 KT